

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12/2019/HNGĐ - ST**
Ngày: 24/06/2019
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tô Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Măng.

Bà Cao Thị Đại.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B;

Ngày 24 tháng 06 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **71/2019/TLST- HNGĐ** ngày 27 tháng 03 năm 2019 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ”*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **13/2019/QĐXXST- HNGĐ**, ngày 08 tháng 05 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **06/2019/QĐST- HNGĐ** ngày 24/05/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị Thu H - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 145, tổ dân phố 01, phường B, thành phố Đ, tỉnh B;

Nơi công tác: Sở tài chính tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Trần Quang K - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 145, tổ dân phố 01, phường B, thành phố Đ, tỉnh B;

Nơi công tác: DN xây dựng tư nhân Minh H, tỉnh B.

Nguyên đơn chị Quách Thị Thu H, có mặt; bị đơn anh Trần Quang K, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 25/03/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Quách Thị Thu H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Quách Thị Thu H và anh Trần Quang K kết hôn ngày 13/06/2007, tại UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh B, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu,

nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng. Anh K thành lập DN xây dựng tư nhân Minh H, tỉnh B, trong quá trình làm ăn không hiệu quả dẫn đến nợ nhiều, về nhà thiếu có sự chia sẻ, đã nhiều lần vợ chồng ngồi nói chuyện để tìm hướng khắc phục nhưng bản thân anh K không có thiện chí. Cho đến nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Chị Quách Thị Thu H và anh Trần Quang K có 02 con chung là cháu Trần Quang H, sinh ngày 29/12/2007 và cháu Trần K A, sinh ngày 16/08/2014.

Chị H trình bày: Trong lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh K đã đưa cháu K A về nhà bố mẹ chồng chị H ở quê Thái Bình, lúc đầu cũng chỉ nói cho cháu về chơi với ông bà vài tháng, từ gần 01 năm nay anh K để cháu dưới đó, nhiều lần chị H đã về quê nói chuyện để đưa cháu lên chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng anh K không nghe, chị H mong muốn mình làm mẹ phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con cái, bản thân cháu K A còn quá nhỏ, lại là con gái, rất cần được chăm sóc. Hơn thế nữa công việc của anh K thất thường, phải đi làm xa để ổn định cuộc sống và đang phải thanh toán các khoản còn đang nợ với Nhà nước vì bản chất DN xây dựng tư nhân Minh H do anh K làm Giám đốc vẫn chưa tuyên bố phá sản, hiện tại thu nhập không ổn định nên việc chăm sóc các cháu không được thuận lợi trong khi đó các cháu còn rất nhỏ, đang tuổi ăn tuổi học phải cần người trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu. Việc anh K đưa cháu K A về quê sống với ông bà nội, chị H không nhất trí. Vì vậy chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Trần Quang H và Trần K A.

Vấn đề cấp dưỡng chị H và anh K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 27/03/2019, sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Quách Thị Thu H. Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B đã thông báo thụ lý vụ án số: 71/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2019 và đã liên lạc bằng điện thoại, xuống tổng đạt trực tiếp cho anh Trần Quang K tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng anh K không có mặt ở nhà, liên lạc bằng điện thoại thì anh K từ chối nhận và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản gửi cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Tổ trưởng tổ dân phố nơi anh K cư trú thì tổ trưởng tổ dân phố 01, phường B, thành phố Đ, tỉnh B cho biết anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 01, phường B, thành phố Đ, tỉnh B nhưng hiện nay anh K đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy anh K đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại tổ dân phố 01, phường B, thành phố Đ, tỉnh B và niêm yết tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B nhưng đến thời điểm này anh K

cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 05 năm 2019, tại phiên tòa lần thứ nhất anh K vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 24/06/2019. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H giải; Biên bản về việc không tiến hành H giải được; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn anh Trần Quang K trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh và chị Quách Thị Thu H kết hôn năm 2007, tại UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh B, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không H hợp, quan điểm sống bất đồng. Nay chị H làm đơn khởi kiện ly hôn, quan điểm của anh K đồng ý ly hôn với chị H.

2. Về con chung: Anh và chị Quách Thị Thu H có 02 con chung là cháu Trần Quang H, sinh ngày 29/12/2007 và cháu Trần K A, sinh ngày 16/08 /2014. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần K A. Anh K cho rằng hiện nay anh đã đưa cháu về sống với bố mẹ đẻ của anh K tại Thái Bình, cháu được chăm sóc, phát triển bình thường.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị H không yêu cầu tòa giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Quách Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K, yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung và Không yêu cầu tòa giải quyết về quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 25/03/2019 chị Quách Thị Thu H nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B đối với anh Trần Quang K có cùng địa chỉ tại số nhà 145, tổ dân phố 01, phường B, thành phố Đ, tỉnh B Biên. Ngày 26/03/2019 chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, ngày 27/03/2019 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu ly hôn giữa chị Quách Thị Thu H và anh Trần Quang K cùng trú tại số nhà 145, tổ dân phố 01, phường B, thành phố Đ, tỉnh B Biên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS, việc anh K không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do anh K đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân:

Chị Quách Thị Thu H và anh Trần Quang K kết hôn ngày 13/06/ 2007 tại UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh B. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh K đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không H hợp, quan điểm sống bất đồng. Anh K thành lập DN xây dựng tư nhân Minh H, tỉnh B, trong quá trình làm ăn không hiệu quả dẫn đến nợ nhiều, về nhà thiếu có sự chia sẻ, đã nhiều lần vợ chồng ngồi nói chuyện để tìm hướng khắc phục nhưng bản thân anh K không có thiện chí. Cho đến nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xin được ly hôn với anh K.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh K, anh K lấy lý do đi làm ăn xa nhà, từ chối nhận các văn bản của Tòa án và không có văn bản trả lời gửi cho Tòa án, đồng thời vắng mặt tại buổi H giải nên vụ án thuộc trường hợp không H giải được. Tại phiên tòa anh K đồng ý về phần kết hôn ban đầu như chị H đã trình bày và đồng ý ly hôn vì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không H hợp, quan điểm sống bất đồng, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị H, anh K không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh K theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Xét về con chung:

Xét về điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung thấy rằng: Anh K phải thường xuyên đi làm ăn xa, không có điều kiện về thời gian, cuộc sống không ổn định nên việc anh K cho rằng mình có đủ mọi điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K A nhưng anh K lại không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để

chứng minh điều kiện nuôi con của mình. Chị H hiện tại công tác tại Sở tài chính, có thu nhập từ lương, có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc các con chung.

Anh K và chị H có 02 con chung; cháu Trần Quang H (12 tuổi) có nguyện vọng được ở cùng với mẹ và anh K đồng ý. Riêng đối với cháu Trần K A, hiện cháu mới 05 tuổi đang còn nhỏ lại là con gái rất cần có mẹ chăm sóc, dạy bảo thường xuyên; nếu giao cháu cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K A vì cháu đang độ tuổi đi học mẫu giáo.

HĐXX xét thấy việc giao cháu Quang H và cháu K A cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị H là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Anh K có quyền thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K và chị H không yêu cầu tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Xét về tài sản và công nợ: Chị H và anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Quách Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Quách Thị Thu H với anh Trần Quang K.

2. Về con chung:

Giao con chung Trần Quang H, sinh ngày 29/12/2007 và cháu Trần K A, sinh ngày 16/08/2014 cho chị Quách Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có quyết định khác của Cơ quan có thẩm quyền.

Không đề cập giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Quách Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2016/ 0002243 ngày 26 tháng 03 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND P. B, TPĐBP
, tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan

